

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu

về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Thông tư số 03/2020/TT-BTNMT ngày 29/05/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật mạng lưới trạm vệ tinh quốc gia; Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai; Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 30/03/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của liên Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công

an về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Quyết định 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 3787/BTNMT-CKDLTTĐĐ ngày 26/05/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương; Công văn số 1433/CQLĐĐ-ĐĐĐKĐĐ ngày 22/4/2026 của Cục Quản lý đất đai về việc góp ý đối với Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn 03 xã: Chiềng Sơn, Vân Hồ và Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; Công văn số 1435/CQLĐĐ-TKKKTĐĐ ngày 22/4/2026 của Cục Quản lý đất đai hướng dẫn kỹ thuật xây dựng, duy trì và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 124-KH/TU ngày 20/9/2022 của Tỉnh ủy Sơn La về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 15/05/2025 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai và đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc cho phép tiếp tục thực hiện các nội dung về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp và trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc cho phép lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán (dự án): “Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La”;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 645/TTr-SNNMT ngày 16/6/2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 834/BC-SNNMT ngày 21/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán (dự án): “Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La”, với những nội dung chính như sau:

1. Tên Thiết kế kỹ thuật - Dự toán (dự án): “Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La”.

2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Quy mô và địa điểm thực hiện

Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Chiềng Sơn được thành lập theo Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025 trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Chiềng Xuân (*thuộc huyện Vân Hồ cũ*) và xã Chiềng Sơn (*thuộc thị xã Mộc Châu cũ*) còn lại sau khi trừ đi diện tích đã đo vẽ bản đồ địa chính năm 2019 là 1.111,27 ha và diện tích thực hiện đo vẽ bản đồ địa chính theo Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: “Xác định ranh giới, cắm mốc, lập hồ sơ ranh giới; đo vẽ bản đồ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha” và Quyết định 1481/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh là 5.933,62 ha; diện tích đất lâm nghiệp còn lại không thực hiện đo đạc khoảng: 7.174,15 ha. Như vậy, phạm vi dự án cần thực hiện là 6.255,88 ha.

5. Mục đích của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

a) Đo đạc lập bản đồ địa chính:

- Xây dựng lưới tọa độ địa chính;

- Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với toàn bộ diện tích chưa có bản đồ địa chính chính quy tại địa bàn thực hiện (*trừ diện tích đã đo vẽ bản đồ địa chính năm 2019 và diện tích đang thực hiện đo vẽ bản đồ địa chính theo Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Xác định ranh giới, cắm mốc, lập hồ sơ ranh giới; đo vẽ bản đồ địa chính; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân*

Nha và Quyết định 1481/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh; diện tích đất lâm nghiệp, đất chưa sử dụng).

b) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Đăng ký cấp Giấy chứng nhận lần đầu;
- Đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận.

c) Cập nhật, bổ sung và tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính.

6. Nội dung Thiết kế kỹ thuật

a) Đo đạc lập bản đồ địa chính

- Xây dựng lưới địa chính: 22 điểm.
- Đo đạc bản đồ địa chính: 6.255,88 ha, trong đó:
 - + Tỷ lệ: 1/1.000: 281,35 ha;
 - + Tỷ lệ: 1/2.000: 3.330,34 ha;
 - + Tỷ lệ: 1/5.000: 2.644,19 ha.

b) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Đăng ký cấp Giấy chứng nhận lần đầu là 3.740 hồ sơ;
- Đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận là: 4.170 hồ sơ.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính: 40.507 thửa.

7. Định mức áp dụng

Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành theo Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 20/10/2025.

8. Tổng dự toán: 30.896.826.301 (Đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng VAT). Bằng chữ: (Ba mươi tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng).

Trong đó:

a) Chi phí lập TKKT - DT:	360.032.460	đồng.
b) Chi phí thực hiện TKKT - DT là:	29.221.965.085	đồng.
- Lưới địa chính:	550.375.685	đồng.
- Đo vẽ bản đồ địa chính:	16.584.478.373	đồng.
- Đăng ký cấp giấy CNQSD đất. Trong đó:	11.438.270.784	đồng.
+ Đặt hàng VPĐKĐĐ thực hiện:	2.636.217.190	đồng.
+ Nhà thầu thực hiện:	8.802.053.594	đồng.

- Cơ sở dữ liệu địa chính. Trong đó:	648.840.243	đồng.
+ Đặt hàng VPĐKĐĐ thực hiện:	249.115.863	đồng.
+ Nhà thầu thực hiện:	399.724.380	đồng.
c) Chi phí giám sát, kiểm tra, nghiệm thu:	1.144.808.963	đồng.
d) Chi phí lựa chọn nhà thầu:	170.019.792	đồng.

(Có biểu dự toán chi tiết kèm theo)

9. Phương thức thực hiện các nội dung chi

- Phương thức đấu thầu.
- Đặt hàng dịch vụ công cho Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở.

(Theo phụ lục chi tiết kèm theo)

10. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ *(nếu có)*.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2027.

12. Sản phẩm của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

a) Lưới địa chính gồm: Mốc, hồ sơ theo quy định và thành quả đo đạc, tính toán bình sai lưới địa chính.

b) Đo đạc bản đồ địa chính gồm:

- Bản đồ địa chính các tỷ lệ 1/1.000, 1/2.000, 1/5.000 được tiếp biên đồng bộ với các tài liệu đo vẽ thuộc khu vực tiếp giáp;

- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Bảng tổng hợp diện tích, số thửa và số người sử dụng đất, người quản lý đất theo kết quả lập bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số;

- Các sản phẩm được quy định tại Điều 24 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính.

c) Hồ sơ địa chính gồm: Sổ mục kê đất đai, sổ địa chính, sổ cấp Giấy chứng nhận, bản sao Giấy chứng nhận và hồ sơ đăng ký đất đai.

d) Cơ sở dữ liệu địa chính được tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tập trung tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chủ đầu tư):

a) Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, UBND xã Chiềng Sơn, tổ chức triển khai Thiết kế kỹ thuật - Dự toán theo đúng quy trình, quy định hiện hành của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt hàng Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đối với các hạng mục, khối lượng thuộc công đoạn đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận gồm 7.910 hồ sơ (gồm: 3.740 hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận lần đầu, 4.170 hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận) và Cập nhật, bổ sung và tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính 40.507 thửa đất.

2. Sở Tài chính: Cân đối, bố trí nguồn kinh phí sau khi Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo triển khai thực hiện và thanh quyết toán việc sử dụng nguồn vốn theo kế hoạch, tiến độ; tổng hợp, báo cáo nguồn kinh phí thực hiện để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định.

3. UBND xã Chiềng Sơn: Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn phối hợp với các Sở, ban, ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND xã Chiềng Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 15 bản.

báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

Phụ lục: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ
Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Hạng mục	Chi phí trực tiếp	CP chung 25-15%	Thành tiền (đồng)	Thuế VAT (8%)	Tổng cộng (đồng)	
						Giao nhiệm vụ, đặt hàng (VPĐK thực hiện)	Đấu thầu rộng rãi (Nhà thầu thực hiện)
A	ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ, XÂY DỰNG CSDL ĐẤT ĐAI	22.579.495.879	4.477.879.200	27.057.375.079	2.164.590.006	2.885.333.053	26.336.632.032
I	LƯỚI ĐỊA CHÍNH	409.655.289	99.951.827	509.607.116	40.768.569		550.375.685
II	ĐO ĐẠC, LẬP BĐDC	12.437.867.138	2.918.131.356	15.355.998.494	1.228.479.879		16.584.478.373
1	Tỷ lệ 1/1.000	1.930.647.999	452.745.654	2.383.393.653	190.671.492		2.574.065.145
2	Tỷ lệ 1/2.000	7.991.403.109	1.854.994.230	9.846.397.338	787.711.787		10.634.109.125
3	Tỷ lệ 1/5.000	2.515.816.030	610.391.472	3.126.207.503	250.096.600		3.376.304.103
III	KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSDĐ	9.209.557.797	1.381.433.670	10.590.991.467	847.279.317	2.636.217.190	8.802.053.594
1	Đăng ký, cấp GCN lần đầu đồng loạt đối với cá nhân ở xã	4.597.317.530	689.597.630	5.286.915.160	422.953.213	1.000.575.119	4.709.293.254
2	Đăng ký, cấp đổi GCN đồng loạt tại xã	4.612.240.267	691.836.040	5.304.076.307	424.326.105	1.635.642.071	4.092.760.340
IV	CẬP NHẬT, BỔ SUNG VÀ TÍCH HỢP CSDL ĐỊA CHÍNH	522.415.654	78.362.348	600.778.003	48.062.240	249.115.863	399.724.380
	Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận	522.415.654	78.362.348	600.778.003	48.062.240	249.115.863	399.724.380
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu	0	0	0	0	0	0
2	Xây dựng dữ liệu không gian gắn với đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính	64.584.156	9.687.623	74.271.779	5.941.742	4.794.163	75.419.358
3	Hoàn thiện dữ liệu địa chính	175.099.130	26.264.870	201.364.000	16.109.120		217.473.120
4	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	86.016.024	12.902.404	98.918.428	7.913.474	0	106.831.903

TT	Hạng mục	Chi phí trực tiếp	CP chung 25-15%	Thành tiền (đồng)	Thuế VAT (8%)	Tổng cộng (đồng)	
						Giao nhiệm vụ, đặt hàng (VPĐK thực hiện)	Đấu thầu rộng rãi (Nhà thầu thực hiện)
5	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	196.716.345	29.507.452	226.223.796	18.097.904	244.321.700	
B	CHI PHÍ KHÁC NGOÀI ĐƠN GIÁ						1.674.861.216
1	Lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán			333.363.389	26.669.071		360.032.460
2	Chi phí giám sát, kiểm tra nghiệm thu, đánh giá kiểm định cấp chủ đầu tư			1.060.008.299	84.800.664		1.144.808.963
3	Tổ chức đấu thầu						170.019.792
3.1	Gói thi công						158.019.792
3.2	Gói kiểm tra, nghiệm thu						12.000.000
	TỔNG DỰ TOÁN					2.885.333.053	28.011.493.248